



CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM
Cao ốc VFC Tower, 29 Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Q.1, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán quý 1 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Gồm có:

- 01- Bảng cân đối kế toán*
- 02- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*
- 03- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ*
- 04- Thuyết minh báo cáo tài chính*

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

Mẫu số B 01 – DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Kỳ kế toán quý 1 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017***Đơn vị tính: VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VNĐ	Số đầu năm VNĐ
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,119,682,072,726	1,094,450,717,775
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	222,893,667,917	170,421,209,496
1. Tiền	111		82,893,667,917	170,421,209,496
2. Các khoản tương đương tiền	112		140,000,000,000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	40,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	40,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		456,614,243,028	496,079,264,032
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	440,065,803,878	485,386,376,288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		17,031,218,827	13,726,333,045
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	30,541,670,905	28,053,174,061
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(31,112,751,867)	(31,086,619,362)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		88,301,285	-
IV. Hàng tồn kho	140		436,656,580,861	383,966,046,416
1. Hàng tồn kho	141	V.6	436,656,580,861	389,184,418,157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(5,218,371,741)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3,517,580,920	3,984,197,831
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.1	2,287,129,138	2,999,546,007
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		208,708,951	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		1,021,742,831	984,651,824
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		423,265,648,142	405,120,755,728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,314,575,057	1,726,909,053
1. Phải thu dài hạn khác	216		2,314,575,057	1,726,909,053

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
II. Tài sản cố định	220		104,247,540,558	108,206,376,298
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	39,454,789,998	42,185,865,874
- Nguyên giá	222		136,409,951,845	137,986,315,607
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(96,955,161,847)	(95,800,449,733)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	64,792,750,560	66,020,510,424
- Nguyên giá	228		71,430,713,273	72,421,738,273
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(6,637,962,713)	(6,401,227,849)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.10	37,875,307,991	36,942,109,304
- Nguyên giá	231		45,531,809,100	44,408,609,100
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(7,656,501,109)	(7,466,499,796)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		69,688,063,358	51,058,197,951
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	69,688,063,358	51,058,197,951
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	204,436,705,362	204,165,005,362
1. Đầu tư vào công ty con	251		9,573,191,264	9,573,191,264
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, LK	252		193,304,814,098	193,304,814,098
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		2,249,390,000	2,249,390,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(690,690,000)	(962,390,000)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4,703,455,816	3,022,157,760
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	4,703,455,816	3,022,157,760
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1,542,947,720,868	1,499,571,473,503
C – NỢ PHẢI TRẢ	300		746,424,232,254	727,410,912,074
I. Nợ ngắn hạn	310		654,765,234,286	649,748,197,952
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	379,571,932,642	386,154,563,719
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,385,713,979	1,853,592,983
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9,192,849,999	14,057,459,126
4. Phải trả người lao động	314		12,620,428,216	27,823,224,782

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	39,589,391,383	10,418,725,665
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	122,484,561,755	122,697,645,289
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	88,012,174,322	86,151,804,396
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	.	1,908,181,990	591,181,992
II. Nợ dài hạn	330		91,658,997,968	77,662,714,122
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	36,796,348,200	36,796,348,200
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	54,862,649,768	40,866,365,922
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		796,523,488,614	772,160,561,429
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	796,523,488,614	772,160,561,429
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		182,854,360,000	182,854,360,000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		182,854,360,000	182,854,360,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		26,763,978,592	26,763,978,592
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(20,000,000)	(20,000,000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		231,545,895,350	231,545,895,350
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		25,412,173,911	26,976,673,911
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		329,967,080,761	304,039,653,576
+ LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		304,039,653,576	304,039,653,576
+ LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25,927,427,185	-
Tổng cộng nguồn vốn	440		1,542,947,720,868	1,499,571,473,503

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)


Phạm Thị Ngọc Phương**KẾ TOÁN TRƯỞNG**

(Ký, họ tên)


Nguyễn Ngọc Dung

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2017

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Trương Công Cứ**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

Mẫu số B 02 – DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Kỳ kế toán quý 1 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Stt	Diễn giải	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
100	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	503,452,748,158	526,516,189,030
110	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	29,232,031,673	31,362,481,083
120	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-03)		474,220,716,485	495,153,707,947
130	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	364,304,036,492	355,158,561,054
140	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)		109,916,679,993	139,995,146,893
150	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	4,447,153,871	2,861,698,972
160	7. Chi phí tài chính	VI.5	1,940,842,000	2,326,760,393
161	- trong đó: chi phí lãi vay		1,113,344,231	300,314,346
170	8. Chi phí bán hàng	VI.6	72,381,960,396	91,030,998,404
180	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	8,877,074,540	12,046,174,666
190	10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30=20+(21-22)-(24+25)]		31,163,956,928	37,452,912,402
200	11. Thu nhập khác		6,456,198,602	1,433,119,193
210	12. Chi phí khác		1,190,244,227	3,383,293,078
220	13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)		5,265,954,375	(1,950,173,885)
230	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		36,429,911,303	35,502,738,517
240	15. Chi phí TNDN hiện hành	VI.8	7,502,484,118	7,694,684,010
250	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		0	0
260	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		28,927,427,185	27,808,054,507

Lập, ngày 20 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Phạm Thị Ngọc Phương



Nguyễn Ngọc Dung



Trương Công Cứ

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

Mẫu số B 03 – DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này

Stt	Mã số	Diễn giải	Lũy kế Kỳ này VND	Lũy kế kỳ trước VND
001		I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
010	01	1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	546,893,645,789	521,420,679,722
020	02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	(451,511,850,379)	(444,358,152,657)
030	03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(30,096,372,564)	(57,604,297,328)
040	04	4. Tiền chi trả lãi vay	(1,113,344,231)	(300,314,346)
050	05	5. Tiền chi nộp thuế TNDN	(9,224,243,170)	(8,788,339,640)
060	06	6. Tiền thu khác từ hoạt động KD	116,639,470,269	23,261,163,397
070	07	7. Tiền chi khác cho hoạt động KD	(155,967,881,957)	(92,964,188,039)
090	20	Lưu chuyển thuần từ hoạt động KD	8,962,768,294	(59,333,448,891)
200		II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
210	21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	(20,220,539,862)	(2,124,862,245)
220	22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	6,656,040,910	-
230	23	4. Tiền thu cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	40,000,000,000	-
240	24	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	1,217,535,307	839,248,402
290	30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	27,653,036,355	(1,285,613,843)
300		LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
310	31	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn	102,008,458,168	68,493,774,420
320	32	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(86,151,804,396)	(20,657,420,400)
330	33	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ SH	-	(17,601,762,100)
390	40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	15,856,653,772	30,234,591,920
500	50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	52,472,458,421	(30,384,470,814)
600	60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	170,421,209,496	167,945,742,218
700	70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	222,893,667,917	137,561,271,404

Lập, ngày 30 tháng 04 năm 2017

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

TỔNG GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)


Phạm Thị Ngọc Phương

Nguyễn Ngọc Dung**Trương Công Cự**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán Quý 1 từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam, tên giao dịch quốc tế Viet Nam Fumigation Joint stock Company, viết tắt là VFC, được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước Công ty Khử trùng Việt Nam trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn theo Quyết định số 70/QĐ-TTg ngày 03 tháng 05 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0302327629, đăng ký lần đầu ngày 31/12/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần 24 ngày 5/8/2016.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 29 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 182.854.360.000 đồng, được chia thành 18.285.436 cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Tổng hợp nhiều lĩnh vực kinh doanh bao gồm: Sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng (không sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói tại trụ sở);
- Cung cấp dịch vụ khử trùng, diệt sinh vật gây hại nông lâm sản và các vật thể khác;
- Mua bán: thuốc bảo vệ thực vật, vật tư bảo vệ thực vật, vật tư khử trùng. Mua bán vật tư, hóa chất phục vụ cho sản xuất nông nghiệp (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh). Bán buôn phân bón. Bán buôn hóa chất thuộc lĩnh vực công nghiệp, hóa chất thuộc lĩnh vực phụ gia thực phẩm. Bán buôn chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn.
- Dịch vụ xử lý, bảo dưỡng, vệ sinh môi trường trong nhà máy, kho tàng, văn phòng cơ quan, các công trình xây dựng. Dịch vụ chống mối mọt. Dịch vụ trừ mối cho các công trình xây dựng - đề đập - khách sạn - nhà hàng;
- Cho thuê văn phòng. Cho thuê kho bãi;
- Giám định hàng hóa: số lượng, chất lượng, quy cách, bao bì, giá trị hàng hóa, tổn thất, an toàn, vệ sinh và các yêu cầu giám định khác. Giám sát thi công và lắp đặt máy móc thiết bị. Tư vấn đầu tư;
- Nhân và chăm sóc giống cây nông nghiệp;
- Bán buôn bắp giống và các loại hạt ngũ cốc khác (trừ lúa, gạo) (thực hiện theo Thông tư 34/2013/TT-BTC).
- Đóng gói giống cây trồng

CÔNG TY CỔ PHẦN KHU TRUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các chi nhánh sau:

1	Chi nhánh Phía Bắc	147 Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Tp.Hà Nội
2	Chi nhánh Đà Nẵng	292 Đường 2/9 P.Hòa Cường Bắc, Q.Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
3	Chi nhánh Quy Nhơn	Số 263 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Tp.Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định
4	Chi nhánh Nha Trang	Số 7 Nguyễn Thiện Thuật, Phường Lộc Thọ, Tp.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa
5	Chi nhánh Đak Lak	Số 170 Chu văn An, P.Tân An, Tp.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
6	Chi nhánh Cần Thơ	Lô 30A3-3 KCN Trà Nóc I, Phường Trà Nóc, Quận Bình Thủy, Tp.Cần Thơ
7	Chi nhánh An Giang	Số 612, Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
8	Chi nhánh Kiên Giang	Số 304A, Quốc lộ 61, Ấp Hòa Thuận, Xã Vĩnh Hòa Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang
9	Chi nhánh Long An	Quốc lộ 62, Ấp 1, Xã Tân Lập, H.Mộc Hóa, Tỉnh Long An
10	Chi nhánh Sóc Trăng	Ấp An Trạch, xã An Hiệp, huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng
11	Chi nhánh Đồng Tháp	Số 154 Lê Duẩn, Phường Mỹ Phú, Tp.Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
12	Chi nhánh Đồng Nai	32 Quốc Lộ 1, Ấp Hưng Nghĩa, Xã Hưng Lộc, Huyện Thống Nhất, Tỉnh Đồng Nai
13	Chi nhánh Đức Hòa Long An	Lô B 107 KCN Thái Hòa, Ấp Tân Lập, Xã Đức Lập Hạ, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An.
14	Chi nhánh HCM	Số 37, Nguyễn Trung Ngạn, P.Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM
15	Văn phòng Bình Dương	5/2 Ấp 1B Xã An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
16	Kho Hóc Môn	49 Nguyễn Ảnh Thủ, P. Hiệp Thành, Quận 12

Công ty có công ty con

1. Công Ty VFC Cambo Limited

Địa chỉ 428, 26BT, Khom Thnot Chrom, Bang Tom Punh, Khan Mean Chey, Phnom Penh

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Kỳ kế toán**

- Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm theo năm dương lịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TRONG TRƯỜNG HỢP DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của từng khoản nợ hoặc mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra đối với từng khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao TSCĐ được thực hiện theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

- Nhà, vật kiến trúc	05 -25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	02	năm
- Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời hạn giao đất	

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

7. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

11. Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

13. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

14. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
 - Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Các khoản thuế*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

17. Phân phối lợi nhuận

Theo Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam

Hàng năm, Hội đồng quản trị xây dựng phương án phân phối lợi nhuận để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc bất thường.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

19. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC (TT200) ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và điều chỉnh phương pháp hạch toán:

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Trích)	DVT	VND
	Năm trước (Được báo cáo lại)	Năm trước (Đã được báo cáo trước đây)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	(444,358,152,657)	(111,880,949,000)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	23,261,163,397	(159,835,217,364)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(92,964,188,039)	(242,345,010,935)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

<i>1. Tiền</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Tiền mặt	3,294,079,231	18,386,454,050
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	79,599,588,686	152,034,755,446
- Các khoản tương đương tiền	140,000,000,000	
Cộng	222,893,667,917	170,421,209,496

<i>2. Các khoản đầu tư tài chính</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
<i>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</i>	<i>204,436,705,362</i>	<i>204,165,005,362</i>
- Đầu tư vào công ty con	9,573,191,264	9,573,191,264
+ Giá gốc	9,573,191,264	9,573,191,264
+ Dự phòng	-	-
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết;	193,304,814,098	193,304,814,098
+ Giá gốc	193,304,814,098	193,304,814,098
- Đầu tư vào đơn vị khác;	1,558,700,000	1,287,000,000
+ Giá gốc	2,249,390,000	2,249,390,000
+ Dự phòng	(690,690,000)	(962,390,000)
Số lượng CP đầu tư vào Cty BVTV Sài Gòn : 71.500CP		
Cộng	204,436,705,362	204,165,005,362

<i>3. Phải thu của khách hàng</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>440,065,803,878</i>	<i>485,386,376,288</i>
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng không có		

<i>4. Phải thu khác</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
<i>a) Ngắn hạn</i>		
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu tạm kê khai khấu trừ	481,372,303	115,488,400
- Phải thu về khách hàng liên quan mua lại đất	1,211,742,000	1,211,742,000
- Phải thu người lao động về thuế TNCN nộp hộ	97,336,236	816,654,238
- Phải thu Syngenta Việt Nam về chiết khấu mua hàng	15,367,902,681	17,233,057,760
- Phải thu khác.	6,927,874,244	3,922,086,225
- Tạm ứng	5,080,221,895	2,689,823,483
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,375,221,546	2,064,321,955
Cộng	30,541,670,905	28,053,174,061

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

b) Dài hạn

- Ký quỹ, ký cược dài hạn

2,314,575,057

1,726,909,053

Cộng

2,314,575,057

1,726,909,053

5. Nợ xấu*Cuối kỳ**Đầu kỳ*

- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán

+ Giá gốc nợ

18,219,198,139

19,502,327,879

+ Giá trị có thể thu hồi

10,843,408,333

11,169,654,185

- Tổng giá trị các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi

+ Giá gốc nợ

25,85,343,461

24,795,040,414

+ Giá trị có thể thu hồi

1,348,381,402

2,041,094,747

6. Hàng tồn kho:*Cuối kỳ**Đầu kỳ*

- Hàng đang đi trên đường;

12,190,944,800

- Nguyên liệu, vật liệu;

147,699,432,462

140,993,623,339

- Công cụ, dụng cụ;

1,918,943,776

1,521,540,078

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang;

6,257,125,503

5,803,468,343

- Thành phẩm;

57,774,184,649

46,118,535,959

- Hàng hóa;

223,006,894,471

182,556,305,638

- Hàng gửi bán;

Cộng

436,656,580,861

389,184,418,157

7. Tài sản dở dang dài hạn*Xây dựng cơ bản dở dang**Cuối kỳ**Đầu kỳ*

- Mua sắm tài sản xây dựng dở dang

- Xây dựng cơ bản dở dang

69,688,063,358

51,058,197,951

+ Dự án Long An

69,688,063,358

51,027,768,451

+ Dự án PCCC Kho Hóc Môn

30,429,500

- Sửa chữa.

Cộng

69,688,063,358

51,058,197,951

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	44,835,019,972	11,037,599,159	77,965,422,520	4,025,393,456	122,880,500	137,986,315,607
- Mua trong năm	-	-	617,875,455	555,821,000	416,978,000	1,590,674,455
- Thanh lý, nhượng bán	2,147,697,829	-	1,019,340,388	-	-	3,167,038,217
- Giảm khác				-		-
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	42,687,322,143	11,037,599,159	77,563,957,587	4,581,214,456	539,858,500	136,409,951,845
Giá trị hao mòn lũy kế						-
<i>Số dư Đầu kỳ</i>	19,856,513,219	9,034,547,184	63,294,418,050	3,495,299,113	119,672,167	95,800,449,733
- Khấu hao trong năm	722,347,414	182,396,516	1,934,792,314	143,629,202	20,582,417	3,003,747,863
- Thanh lý, nhượng bán	829,695,361	-	1,019,340,388	-	-	1,849,035,749
<i>Số dư Cuối kỳ</i>	19,749,165,272	9,216,943,700	64,209,869,976	3,638,928,315	140,254,584	96,955,161,847
Giá trị còn lại						-
- <i>Tại ngày Đầu kỳ</i>	24,978,506,753	2,003,051,975	14,671,004,470	530,094,343	3,208,333	42,185,865,874
- <i>Tại ngày Cuối kỳ</i>	22,938,156,871	1,820,655,459	13,354,087,611	942,286,141	399,603,916	39,454,789,998

- Nguyên giá TSCĐ Cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng;

50,349,310,144

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>TSCĐ vô hình khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	68,348,995,773	4,072,742,500	72,421,738,273
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	991,025,000		991,025,000
Số dư Cuối kỳ	67,357,970,773	4,072,742,500	71,430,713,273
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ	3,660,322,700	2,740,905,149	6,401,227,849
- Khấu hao trong năm	111,291,063	125,443,801	236,734,864
Số dư Cuối kỳ	3,771,613,763	2,866,348,950	6,637,962,713
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	64,688,673,073	1,331,837,351	66,020,510,424
- Tại ngày Cuối kỳ	63,586,357,010	1,206,393,550	64,792,750,560
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng;			2,286,049,344

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư:

<i>Khoản mục</i>	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Nhà</i>	<i>Tổng cộng</i>
a) Bất động sản đầu tư cho thuê			
Nguyên giá			
Số dư Đầu kỳ	7,619,891,500	19,555,738,511	27,175,630,011
- Mua trong năm	854,400,000	268,800,000	1,123,200,000
- Giảm khác	-	-	-
Số dư Cuối kỳ	8,474,291,500	19,824,538,511	28,298,830,011
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ		7,466,499,796	7,466,499,796
- Khấu hao trong năm		190,001,313	190,001,313
- Giảm khác		-	-
Số dư Cuối kỳ	-	7,656,501,109	7,656,501,109
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	7,619,891,500	12,089,238,715	19,709,130,215
- Tại ngày Cuối kỳ	8,474,291,500	12,168,037,402	20,642,328,902

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Nguyên giá

Số dư Đầu kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
Số dư Cuối kỳ	<u>14,114,019,089</u>	<u>3,118,960,000</u>	<u>17,232,979,089</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			-
Số dư Đầu kỳ		-	-
Số dư Cuối kỳ	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Giá trị còn lại			-
- Tại ngày Đầu kỳ	14,114,019,089	3,118,960,000	17,232,979,089
- Tại ngày Cuối kỳ	<u>14,114,019,089</u>	<u>3,118,960,000</u>	<u>17,232,979,089</u>

11. Chi phí trả trước**Cuối kỳ****Đầu kỳ**

a) Ngắn hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	1,656,594,215	2,151,001,028
- Chi phí thuê VP, kho bãi	353,600,000	393,650,000
- Bảo hiểm	143,457,102	264,608,292
- Chi phí trả trước khác	<u>133,477,821</u>	<u>190,286,687</u>
Cộng	<u>2,287,129,138</u>	<u>2,999,546,007</u>

b) Dài hạn

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng;	2,877,996,496	2,945,736,780
- Chi phí thuê VP, kho bãi	1,340,428,630	76,420,980
- Chi phí trả trước khác	<u>485,030,690</u>	
Cộng	<u>4,703,455,816</u>	<u>3,022,157,760</u>

12. Vay và nợ thuê tài chính**Cuối kỳ****Đầu kỳ**

Vay ngắn hạn

+ Giá trị	88,012,174,322	86,151,804,396
+ Số có khả năng trả nợ	88,012,174,322	86,151,804,396

Trong năm

+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	88,012,174,322	515,880,324,425
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm	86,151,804,396	429,728,520,029

Vay dài hạn

+ Giá trị	54,862,649,768	40,866,365,922
+ Số có khả năng trả nợ	54,862,649,768	40,866,365,922

- Trong năm

+ Lũy kế phát sinh tăng trong năm	13,996,283,846	40,866,365,922
+ Lũy kế phát sinh giảm trong năm		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

13. Phải trả người bán	Cuối kỳ		Đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	379,571,932,642	379,571,932,642	386,154,563,719	386,154,563,719
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả;				
CÔNG TY TNHH SYNGENTA VIỆT NAM	241,386,620,591	241,386,620,591	292,972,871,305	292,972,871,305
ITOCHU CHEMICAL FRONTIER CORPORATION	60,210,009,400	60,210,009,400	50,127,845,600	50,127,845,600
- Phải trả cho các đối tượng khác	77,975,302,651	77,975,302,651	43,053,846,814	43,053,846,814
Cộng	379,571,932,642	379,571,932,642	386,154,563,719	386,154,563,719

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Đầu kỳ		Số phải nộp	Số đã thực nộp	Cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp	trong năm	trong năm	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT đầu ra phải nộp		3,550,312,882	47,519,816,041	50,338,752,329	-	731,376,594
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	(981,630,215)		7,502,473,097	7,512,422,607	(991,579,725)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	(3,021,609)		871,519,365	886,660,862	(18,163,106)	-
Thuế TNDN		8,932,843,026	7,503,388,244	9,224,243,170	-	7,211,988,100
Thuế thu nhập cá nhân		1,064,842,855	4,445,474,445	4,707,793,673	-	802,523,627
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			7,423,104	7,423,104	-	-
Thuế môi trường			110,637,400	122,637,400	(12,000,000)	-
Các loại thuế khác		509,460,361	543,339,864	605,838,547	-	446,961,678
Cộng	(984,651,824)	14,057,459,124	68,504,071,560	73,405,771,692	(1,021,742,831)	9,192,849,999

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

15. Chi phí phải trả*Ngắn hạn***Cuối kỳ****Đầu kỳ**

39,589,391,383

10,418,725,665

- Chi phí trích trước chính sách bán hàng

39,589,391,383

10,418,725,665

- Các khoản trích trước khác;

Cộng**39,589,391,383****10,418,725,665****16. Phải trả khác***a) Ngắn hạn***Cuối kỳ****Đầu kỳ**

- Kinh phí công đoàn;

1,003,070,558

881,752,118

- Bảo hiểm xã hội;

1,795,590,252

19,343,218

- Bảo hiểm y tế;

304,362,907

-

- Bảo hiểm thất nghiệp;

135,309,893

-

- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn;

134,850,050

134,850,050

- Phải trả lại thuế TNCN thu thừa của CBCNV

1,164,768,648

698,359,071

- Tiền mượn công ty TNHH Hải Yến

116,500,000,000

116,500,000,000

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

1,446,609,447

4,463,340,832

Cộng**122,484,561,755****122,697,645,289***b) Dài hạn*

- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn

2,011,448,200

2,011,448,200

- Phải trả tiền nhận ủy thác góp vốn vào Cty TNHH Hải Yến

34,784,900,000

34,784,900,000

- Các khoản phải trả, phải nộp khác

Cộng**36,796,348,200****36,796,348,200**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

17 Vốn chủ sở hữu*a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	Cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	176,854,360,000	26,763,978,592	(761,100,000)	231,545,895,350	25,818,269,911	248,998,243,306	709,219,647,159
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	6,000,000,000	-	-	-	-	-	6,000,000,000
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	-	741,100,000	-	-	-	741,100,000
Lãi trong năm 2016	-	-	-	-	-	149,259,219,200	149,259,219,200
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	3,000,000,000	(3,000,000,000)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi 2015	-	-	-	-	-	(17,752,694,000)	(17,752,694,000)
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2016	-	-	-	-	-	(14,617,924,565)	(14,617,924,565)
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	-	-	(35,218,652,000)	(35,218,652,000)
Chia cổ tức năm 2016	-	-	-	-	-	(18,283,436,000)	(18,283,436,000)
Tăng khác	-	-	-	-	255,858,000	-	255,858,000
Giảm khác	-	-	-	-	(2,097,454,000)	(5,345,102,365)	(7,442,556,365)
Số dư tại ngày 31/12/2016	182,854,360,000	26,763,978,592	(20,000,000)	231,545,895,350	26,976,673,911	304,039,653,576	772,160,561,429
Lãi trong Quý 1	-	-	-	-	-	28,927,427,185	28,927,427,185
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 2017	-	-	-	-	-	(3,000,000,000)	(3,000,000,000)
Giảm khác	-	-	-	-	(1,564,500,000)	-	(1,564,500,000)
Số dư tại ngày 31/03/2017	182,854,360,000	26,763,978,592	(20,000,000)	231,545,895,350	25,412,173,911	329,967,080,761	796,523,488,614

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

<i>b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Vốn góp của các cổ đông	182,854,360,000	182,854,360,000
Cộng	182,854,360,000	182,854,360,000
<i>c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	182,854,360,000	182,854,360,000
+ Vốn góp Đầu kỳ	182,854,360,000	182,854,360,000
+ Vốn góp tăng trong năm		
+ Vốn góp giảm trong năm		
+ Vốn góp Cuối kỳ	182,854,360,000	182,854,360,000
<i>d) Cổ phiếu</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	18,285,436	18,285,436
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	18,285,436	18,285,436
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	2,000	2,000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	18,283,436	18,283,436
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		
<i>e) Cổ tức đã trả</i>	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
Cổ tức đã trả của cổ phiếu phổ thông	-	-
	<i>Cuối kỳ</i>	<i>Đầu kỳ</i>
<i>f) Các quỹ của doanh nghiệp:</i>	<i>256,958,069,261</i>	<i>258,522,569,261</i>
+ Quỹ đầu tư phát triển;	231,545,895,350	231,545,895,350
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	17,475,127,025	17,475,127,025
+ Quỹ Hoạt động xã hội	7,937,046,886	9,501,546,886
18. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Kỳ này	Kỳ trước
<i>a) Tài sản nhận giữ hộ:</i>	0	0
<i>b) Ngoại tệ các loại:</i>		
USD	173,486.11	74,132.10
<i>c) Nợ khó đòi đã xử lý:</i>	34,607,256,188	33,707,856,188

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỦ TRỪNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ***Kỳ này**Kỳ trước**a) Doanh thu*

- Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ;
- Doanh thu BĐS đầu tư

433,481,026,994

458,511,611,173

67,388,134,250

65,328,512,760

2,583,586,914

2,676,065,097

Cộng**503,452,748,158****526,516,189,030****2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

- Chiết khấu thương mại;

29,232,031,673

31,362,481,083

Cộng**29,232,031,673****31,362,481,083****3. Giá vốn hàng bán***Kỳ này**Kỳ trước*

- Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán;

322,088,398,369

329,328,759,191

- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp;

42,025,636,810

41,666,975,641

- Chi phí kinh doanh Bất động sản đầu tư;

190,001,313

202,923,870

- Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán.

(16,040,097,648)

Cộng**364,304,036,492****355,158,561,054****4. Doanh thu hoạt động tài chính***Kỳ này**Kỳ trước*

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

1,215,095,947

839,248,402

- Lãi chênh lệch tỷ giá;

266,462,064

838,327,694

- Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán;

2,965,595,860

1,184,122,876

Cộng**4,447,153,871****2,861,698,972****5. Chi phí tài chính***Kỳ này**Kỳ trước*

- Lãi tiền vay;

1,113,344,231

300,314,346

- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;

994,735,721

1,978,617,000

- Lỗ chênh lệch tỷ giá;

104,462,048

47,829,047

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư;

(271,700,000)

-

Cộng**1,940,842,000****2,326,760,393**

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAMĐịa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

<i>6. Thu nhập khác</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	4,347,013,442	125,808,729
- Lãi do đánh giá lại tài sản;	63,278,461	28,077,695
- Các khoản khác.	2,045,906,699	1,279,232,769
Cộng	6,456,198,602	1,433,119,193

<i>7. Chi phí khác</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Các khoản bị phạt;	115,295,080	339,582,884
- Các khoản khác.	1,074,949,147	3,043,710,194
Cộng	1,190,244,227	3,383,293,078

<i>8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
<i>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</i>		
+ Chi phí lương và chi phí khác	67,673,447,952	78,671,843,600
+ Chi phí khấu hao	1,584,224,652	1,487,475,407
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,124,287,792	10,871,679,397
Cộng	72,381,960,396	91,030,998,404

<i>b) Các khoản chi phí QLDN phát sinh trong kỳ</i>		
+ Chi phí lương và chi phí khác	7,270,172,182	9,762,550,836
+ Chi phí khấu hao	795,296,192	888,737,127
+ Chi phí dịch vụ mua ngoài	811,606,166	1,394,886,703
Cộng	8,877,074,540	12,046,174,666

<i>9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố</i>	<i>Kỳ này</i>	<i>Kỳ trước</i>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu;	349,982,585,773	358,340,871,105
- Chi phí nhân công; và chi phí khác	95,622,295,178	77,988,631,186
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,240,482,727	3,308,520,152
- Chi phí dịch vụ mua ngoài;	4,902,500,629	7,383,065,821
Cộng	453,747,864,307	447,021,088,264

CÔNG TY CỔ PHẦN KHỬ TRÙNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 29, Đường Tôn Đức Thắng, Phường
Bến Nghé, Quận 01, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017

10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện
hành

Kỳ này

Kỳ trước

7,502,484,118

7,694,684,010

11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán Quý 1 kết thúc vào ngày 31/03/2017 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 04 năm 2017.



Phạm Thị Ngọc Phương
Người lập

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Ngọc Dung
Kế toán trưởng



Trương Công Cứ
Tổng giám đốc

